

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 12-9-2022

V/V “Ly hôn giữa bà N và ông N,  
nuôi con chung, tranh chấp nợ  
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Nguyễn Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tranh chấp nợ chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Cẩm N. Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Ngân hàng). Địa chỉ: Số 16 Lê Hồng Phong, Ba Đình, Hà Nội.

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch huyện Châu Thành- Chi nhánh tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Võ Duy T, Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Châu Thành, Chi nhánh tỉnh Long An (văn bản ngày 08/8/2022). Địa chỉ: Số 220, Đỗ Tường Phong, khu phố 1, thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Thu H. Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện Th, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-3-2022 và trong quá trình xét xử, bà Trần Thị Cẩm N là nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N hay đi chơi đêm, bà và ông N còn mâu thuẫn về kinh tế gia đình, ngoài ra ông N còn không tôn trọng người lớn trong gia đình bên vợ. Bà và ông N không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, hiện con chung đang sống với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng, thu nhập hằng tháng của bà khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ông N ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng xong thì bà có trả lãi cho Ngân hàng khoảng 10 lần, khi ông N vay tiền của Ngân hàng, bà không biết nên bà không đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng số nợ trên.

*Ông Nguyễn Văn N là bị đơn trình bày:* Qua lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn là đúng nhưng mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần. Bà N có người đàn ông khác bên ngoài, có ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị N biết. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Trường hợp phải ly hôn, ông yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng, thu nhập hằng tháng của ông khoảng 7.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là 62.000.000 đồng;

- Nợ bà Nguyễn Thị Thu H là 50.000.000 đồng.

Ông yêu cầu mỗi người trả  $\frac{1}{2}$  số tiền này cho các chủ nợ.

*Ông Võ Duy T là người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (ngân hàng)- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Châu Thành là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ngân hàng Chính sách xã Hội Việt Nam (Ngân hàng) ký hợp đồng vay vốn với ông Nguyễn Văn N, mục đích vay cụ thể như sau:

- Trồng thanh long: 50.000.000 đồng, lãi suất là 8,25 %/ năm.

- Nước sạch : 6.000.000 đồng, lãi suất là 9 %/ năm.

- Xây nhà vệ sinh môi trường: 6.000.000 đồng, lãi suất là 9 %/ năm.

Tổng cộng vốn vay là 62.000.000 đồng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay trong hạn, hạn thanh toán từ tháng 6 năm 2026. Đến nay ông N, bà N thanh toán cho Ngân hàng phần tiền lãi đầy đủ cho Ngân hàng.

Đến nay hợp đồng vay chưa đến hạn nhưng bà N, ông N ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu bà N, ông N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán 62.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng vay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*Tại biên bản hòa giải ngày 06/9/2022 bà Nguyễn Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Ngày 18/11/2019, bà có cho ông N, bà N vay 50.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, ông N, bà N có trả cho bà được 02 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng, khi vay ông N có ký tên, có mặt bà N không có ký tên nhưng bà N đồng ý nên bà mới cho ông N, bà N vay. Đến nay hợp đồng vay đã đến hạn thanh toán nhưng ông N, bà N không trả vốn vay theo thỏa thuận cho bà và hiện nay ông N, bà N đang làm thủ tục ly hôn nên bà yêu cầu ông N, bà N phải liên đới trả cho bà 50.000.000 đồng vốn vay, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/9/2022, bà H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông N, bà N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về tố tụng: Bà N yêu cầu ly hôn với ông N được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà H có đơn xin vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông N có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà N và ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà N yêu cầu ly hôn với ông N, ông N cũng đồng ý ly hôn nên theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông N.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, hiện con chung đang sống với bà N. Bà N và ông N đều có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng. Xét về điều kiện kinh tế (mức thu nhập- mức lương) của hai đương sự thì tương đương nhau, bà N đang nuôi con chung tên Thanh T từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay cũng đã ổn định về mọi mặt, để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của bà N và phù hợp với nguyện vọng của Thanh T,

ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Xét trong quá trình chung sống vợ chồng, khi ông N ký hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng xong, bà N có trả lãi cho Ngân hàng khoảng 10 lần, như vậy bà N đã biết việc ông N vay tiền của Ngân hàng chính sách, bà N đã thừa nhận có nợ Ngân hàng số tiền trên. Đối với hợp đồng vay mặc dù chưa đến hạn thanh toán nhưng bà N ông N ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn trước thời hạn là phù hợp. Vì vậy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà N, ông N. Do đó cần buộc bà N, ông N phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng 62.000.000 đồng tiền vốn vay theo quy định tại các điều 288, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với phần tiền lãi suất vẫn tính theo thỏa thuận của hợp đồng vay cho đến khi bà N, ông N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 09/9/2022, bà H có đơn xin rút đơn khởi kiện đối với bà N, ông N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Việc rút yêu cầu khởi kiện của đương sự là tự nguyện nên Tòa án chấp nhận. Do đó đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà N, ông N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí:

Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Ngân hàng, bà H không phải chịu án phí.

Bà N, ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 37, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Cẩm N ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do bà N nuôi dưỡng), ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà N, ông N.

Buộc bà N, ông N phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng). Đối với phần tiền lãi suất vẫn tính theo thỏa thuận của hợp đồng vay cho đến khi bà N, ông N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà Nhung đã nộp theo biên lai thu số 0007820 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngân hàng chính sách không phải chịu án phí.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H được nhận lại 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007975 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà N, ông N phải liên đới chịu 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Dương Xuân Hội;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Bảo Trí**